

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 04 - 02 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thành Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Ngu.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đặng Minh Hùng Ngọc L**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1975. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đặng Minh Hùng Ngọc L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị O tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương ngày 15-11-2002. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc, từ đó anh L và chị O không còn chung sống với nhau

đến nay. Anh L nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mỗi người có cuộc sống riêng nên yêu cầu được ly hôn với chị O.

Về con chung: Thời gian chung sống thì anh L và chị O có con chung tên Đặng Nguyễn Quang H, sinh ngày 22-5-2003. Từ năm 2003 đến nay thì cháu H do chị O chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, anh L yêu cầu giao cháu H cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

*- Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18 tháng 01 năm 2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim O trình bày:*

Chị O thống nhất với anh L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hôn nhân giữa chị O và anh L không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau đã lâu nên chị O đồng ý ly hôn với anh L; Chị O thống nhất với anh L là sau khi ly hôn con chung tên Đặng Nguyễn Quang H, sinh ngày 22-5-2003 do chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị O có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung nên không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu giải quyết.

*- Tại Biên bản xác minh ngày 18 tháng 01 năm 2021, mâu thuẫn gia đình giữa anh L, chị O:*

Anh L, chị O là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian anh L, chị O chung sống thì địa phương không biết mâu thuẫn gia đình giữa anh, chị. Tuy nhiên, từ năm 2003 đến nay thì anh L, chị O không còn chung sống với nhau.

*- Tại Biên bản về việc ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 18 tháng 01 năm 2021:*

Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Đặng Nguyễn Quang H, sinh ngày 22-5-2003 để xem xét giải quyết yêu cầu về con chung nhưng cháu H đi học không có ở nhà nên không ghi ý kiến của cháu H được.

*- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cụ thể: Anh L được ly hôn với chị O; Giao con chung tên Đặng Nguyễn Quang H, sinh ngày 22-5-2003 cho chị O nuôi dưỡng đến

khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị O không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Đặng Minh Hùng Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim O. Chị O cư trú tại Ấp Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị O vắng mặt. Anh L không có ý kiến đối với sự vắng mặt của chị O. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, chị O đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị O tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 401/2002, quyển số: 03 ngày 15-11-2002. Tại thời điểm kết hôn thì anh L, chị O đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị O được pháp luật công nhận.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Theo quy định viện dẫn thì anh L, chị O

là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thế nhưng khi phát sinh mâu thuẫn thì anh, chị không tìm cách hàn gắn, mà mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau, không chung sống với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã triệu tập anh L, chị O tham gia phiên hòa giải nhưng chị O vắng mặt nên không hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy anh L, chị O đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh L yêu cầu được ly hôn với chị O là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 137, quyền số: 01/2003 của Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng thì anh L, chị O có con chung tên Đặng Nguyễn Quang H (giới tính: Nam), sinh ngày 22-5-2003. Anh L yêu cầu giao con chung cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, còn chị O thì thống nhất với yêu cầu này của anh L. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Anh L và chị O đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thống nhất này là do các bên tự nguyện, đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định viện dẫn thì anh L là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với chị O. Đồng thời, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định viện dẫn thì anh L là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L, chị O thống nhất là không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.7] Như đã nhận định thì ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Minh Hùng Ngọc L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Đặng Nguyễn Quang H (giới tính: Nam), sinh ngày 22-5-2003 cho chị Nguyễn Thị Kim O trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Đặng Minh Hùng Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**4.** Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**5.** Về án phí sơ thẩm: Anh Đặng Minh Hùng Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0005304 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Anh Đặng Minh Hùng Ngọc L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

**6.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thành Đạt**